

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẠM TẤU
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HS-ST

Ngày: 23-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Xuân Thao;

2. Bà Dương Phương Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ A Say - Thư ký Tòa án nhân dân H Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H Trạm Tấu tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; trụ sở đóng tại tổ dân phố số 2, thị trấn Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2020, đối với bị cáo:

Bùi Thị N, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1980, tại xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ học vấn 9/12; dân tộc kinh; giới tính nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Bùi Thế D (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954; có chồng là Đỗ Thế A, sinh năm 1972 và có 03 con; tiền án, tiền sự không; tại ngoại tại nơi cư trú; “Có mặt”.

- Bị hại:

+ Chị Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1988; nơi cư trú thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

+ Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1988; nơi cư trú tổ dân phố số 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

+ Chị Bàn Thị L, sinh năm 1987; nơi cư trú tổ dân phố số 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

+ Chị Triệu Thị L, sinh năm 2000; nơi cư trú Bản Đ, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt”.

+ Chị Lê Thị Quỳnh M, sinh năm 1999; nơi cư trú thôn Đ, xã A, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/6/2020, Bùi Thị N một mình đi xe mô tô đến khu vực thị trấn T, huyện T để bán thuốc nam gia truyền. Do không bán được thuốc, không có tiền chi tiêu cá nhân, nên khi vào nhà chị Hoàng Thị H, N đã nảy sinh ý định dùng sự hiểu biết về phong thủy và tâm L của mình để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sau khi tìm mua giấy không được, N đi lòng vòng trong cửa hàng rồi đứng nhìn vào bàn thờ thần tài và nói là thờ cúng sơ sài, sau đó N ngồi bệt xuống nền nhà giữa cửa hàng và gọi chị H đến ngồi trước mặt nói chuyện, còn chị L (chị dâu H) ngồi phía sau N. Khi H ngồi xuống thì N nhìn thẳng vào mặt H và nói trước cửa nhà H có một vong Nam hay Lh quanh trước cửa nhà, làm cho gia đình H làm ăn khó khăn, thỉnh thoảng vào nhà quấy rối. N bảo H phải về chùa làm lễ tiễn vong thì gia đình mới được yên ổn. N nói là có một khóa lễ nhiều người cùng làm thì mất tổng khoảng 200.000.000 (*hai trăm triệu*) đồng, còn gia đình H làm thì về chùa làm lễ một tuần hết khoảng từ 10 đến 30 triệu đồng. Chị H bảo bạn không đi được thì N lại giới thiệu gói lễ chay là 36 lễ, mỗi lễ là 25.000 đồng và bảo H đưa tiền cho N về chùa H ở Hà Nội sắm lễ hộ. Do N nói trước nhà có vong nên chị H lo sợ và đưa 900.000 đồng cho N để làm lễ tiễn vong. Sau đó N bảo đưa thêm 50.000 đồng tiền đóng công đức và ghi tên tuổi chồng, con và địa chỉ, số điện thoại đưa cho N. Chị H đưa thêm 50.000 đồng rồi hỏi N tên là gì, làm ở đâu thì N nói tên là H, nhà ở chùa Hương, do gia đình đông con đã bán vào chùa từ lúc 13 tuổi, hiện nay không có chồng, con.

Sau khi lừa được tiền của chị H, N nói với chị L là con gái tối ngủ hay quấy, rồi bảo L cũng phải về chùa làm lễ cho con và L có chồng đào hoa hay đi L tình rồi dụ dỗ L làm lễ cho chồng, nếu L muốn đẻ con trai thì cũng phải làm thêm một lễ nữa. Chị L nói không có tiền và không đi chùa làm lễ được, N bảo L đưa tiền cho N về chùa làm lễ giúp. Chị L hỏi làm lễ cho con mất bao nhiêu thì N bảo phải làm 47 lễ, mỗi lễ 27.000 đồng, chị L nói không đủ tiền thì N bảo L vay tiền của chị H để đưa cho N. Chị L đã vay 400.000 đồng của chị H rồi đưa cho N tổng số tiền là 1.270.000 đồng. N bảo đưa thêm tiền công đức, nên chị L đưa thêm cho N 20.000 đồng. Sau đó N bảo chị L ghi tên tuổi, địa chỉ, số điện thoại của mình và chồng, con đưa cho N. Trước khi về, N bảo chị H gói cho N một nắm đất để về chùa làm lễ, chị H đã gói đưa cho N một nắm đất sau đó N đi về.

Trên đường về đến B, xã N, thị xã N, N dừng xe vào quán nhà chị Triệu Thị L, mua một cốc chè đỗ đen ăn, khi ngồi ăn chè N nói là trước cửa quán của L có một vụ tai nạn chết người nên có một vong Nam hay vào nhà làm cho gia đình làm ăn khó khăn. N bảo L phải về chùa làm lễ tiễn vong, L nói chưa có điều kiện đi chùa. N bảo nếu không đi được thì đưa tiền cho N về chùa làm lễ giúp. N giới thiệu N làm ở chùa H và bảo L phải làm 36 lễ, mỗi lễ 21.000 đồng và đóng thêm tiền công đức. Thấy N nói vậy L đã lấy tiền đưa cho N 810.000 đồng. N bảo L đưa thêm 03 bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long vỏ màu vàng và ghi họ tên người thân, số điện thoại, địa chỉ của L cho N rồi N đi xe mô tô về thành phố Y.

Khi về đến thôn Đ, xã A, thành phố Y N đi vào quán của chị Lê Thị Quỳnh M, sinh năm 1999, mua một hộp sữa chua để ăn, N nói với chị M là trước cửa nhà có vong Nam làm gia đình làm ăn khó khăn rồi bảo M phải về chùa làm 36 lễ, mỗi lễ 21.000 đồng để tiễn vong, nhưng chị M nói không đi chùa được. N tự giới thiệu tên là H làm ở chùa H và bảo chị M đưa tiền cho N về chùa làm lễ giúp. Chị M bảo tiền đã mua hàng hết nên chị M đưa 260.000 đồng cho N, số còn lại sau này N lên thì đưa thêm. N đồng ý cầm tiền rồi bảo M đưa thêm cho 03 lon nước ngọt nhãn hiệu Cocacola, vỏ lon màu đỏ và 03 bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long vỏ màu vàng để về chùa làm lễ. N bảo M ghi tên và địa chỉ và số điện thoại cho N.

Số tiền N lừa đảo được của Hoàng Thị H, Bàn Thị L, Triệu Thị L và Lê Thị Quỳnh M về N không lên chùa làm lễ như đã hứa mà sử dụng để chi tiêu cá nhân. 03 (ba) lon nước ngọt nhãn hiệu Cocacola N đã uống hết, còn 06 (sáu) bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long, nắm đất N đã vứt bỏ trên đường đi không rõ địa chỉ ở đâu. Sau khi về nhà ở Hà Nam, Bùi Thị N còn nhiều lần gọi điện thoại cho các chị Hoàng Thị H, Bàn Thị L và Triệu Thị L bảo tiếp tục làm thêm các lễ khác nhưng không ai làm theo yêu cầu của N.

Đến ngày 06/7/2020 N đến nhà chị Trần Thị Mỹ L ở thôn Trống K, xã Xà H, huyện T mua một cốc chè đỗ đen để ăn, trong lúc ngồi ăn chè, N nói trước cửa nhà chị L có một vong Nam (ý nói là bóng ma) làm cho gia đình làm ăn không phát đạt và gia đình sẽ gặp hạn, rồi N bảo chị L phải đi chùa làm lễ tiễn vong, để làm ăn thuận lợi và vong không dẫn hạn vào nhà. Cụ thể phải làm 36 lễ, mỗi lễ 21.000 đồng và thêm 50.000 đồng tiền công đức, tổng cộng là 806.000 đồng. Chị L nói không đi chùa được thì N bảo chị L đưa tiền và đọc tên, tuổi của mình và chồng, con, địa chỉ, số điện thoại cho người này ghi vào sổ để về chùa Hương nhờ thầy làm lễ giúp. Chị L đưa tiền cho N. Sau khi N đi chị L nghĩ là mình bị lừa nên đã làm đơn trình báo Công an H Trạm Tầu.

Tại bản kết luận 08/KL-HĐĐG ngày 26/10/2020 của Hội đồng định giá, kết luận: 03 lon nước ngọt, nhãn hiệu Cocacola và 06 bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long, có tổng giá trị là: 90.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 26/CT-VKS-TT ngày 23-11-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tầu, truy tố Bùi Thị N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Thị N khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo mà bị cáo đã thực hiện vào ngày 28 tháng 6 và ngày 06 tháng 7 năm 2020. Vật chứng đề nghị trả lại tiền cho các bị hại; đề nghị nhận lại 01 điện thoại, một ba lô vải màu nâu, một túi vải thổ cẩm màu đen; các vật chứng, giấy tờ và tài sản khác đề nghị tiêu hủy.

Trong quá trình điều tra chị Hoàng Thị H, chị Bàn Thị L, chị Trần Mỹ L và chị Triệu Thị L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt; chị Triệu Thị L không yêu cầu bị cáo bồi thường ba bao thuốc lá Thăng Long; chị Lê Thị Quỳnh M không yêu cầu bồi thường số tiền 260.000 đồng, 03 lon nước Cocacola và 03 bao thuốc lá Thăng Long, mà bị cáo N đã chiếm đoạt. Toàn bộ số tiền 4.116.000 đồng bị cáo N chiếm đoạt được của các bị hại, bị cáo đã giao nộp cho cơ quan điều tra.

Tại phiên tòa các bị hại chị Hoàng Thị H, chị Bàn Thị L và chị Trần Mỹ L nhất trí nhận lại tiền từ cơ quan Thi hành án, không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm. Bị hại Hoàng Thị H, Bàn Thị L xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trầm Thủy giữ nguyên quan điểm truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, h, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Thị N từ 09 (*chín*) tháng đến 01 (*một*) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng đến 02 (*hai*) năm.

Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69, khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.
- Trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, nên không đặt ra để giải quyết.
- Vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm b, c khoản 2, các điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- + Trả lại chị Hoàng Thị H 950.000 đồng;
- + Trả lại chị Bàn Thị L 1.290.000 đồng;
- + Trả lại chị Trần Thị Mỹ L 806.000 đồng;
- + Trả lại chị Triệu Thị L 810.000 đồng;
- + Nộp ngân sách Nhà nước 260.000 đồng.

(Tổng số tiền trả lại các bị hại và nộp ngân sách được niêm phong trong ba phong bì, theo biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án ngày 25-11-2020).

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) vỏ phong bì niêm phong tiền của Bùi Thị N sau khi đã mở niêm phong; 06 (sáu) hộp nhựa trong suốt, bên trong mỗi hộp đều có chứa nhiều gói nilon màu trắng bên trong có chứa nhiều viên thuốc hình tròn màu nâu; 07 (bảy) hộp nhựa trong suốt, bên trong mỗi hộp đều có chứa nhiều gói nilon, bên trong có chứa các viên màu đen. Trong đó có 04 hộp chứa viên thuốc màu đen hình tròn và 03 hộp chứa viên thuốc màu đen hình tròn dài; 04 (bốn) hộp nhựa trong suốt, bên trong mỗi hộp đều có chứa nhiều gói bột màu nâu; 03 (ba) hộp nhựa trong suốt, bên trong mỗi hộp đều có chứa các gói nilon màu trắng bên trong mỗi gói có chứa các viên thuốc màu đen hình tròn, bên ngoài phủ lớp bột màu trắng; 16 (mười sáu) gói nilon màu trắng, bên trong mỗi gói đều có chứa bột màu nâu; giấy giới thiệu số 105/GT-ĐY của Hội đồng y xã A cho Bùi Thị N (bản chính); Giấy chứng nhận đã tốt nghiệp Chương trình lương y cơ sở của Bùi Thị N (bản sao).

+ Trả lại bị cáo N: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen xám, số IMEI: 354957073982012, có ốp lưng bằng nhựa màu trắng, điện thoại đã cũ đã qua sử dụng; 01 (một) túi vải thổ cẩm màu đen, có thêu hoa văn nhiều màu, nhiều họa tiết khác nhau, có dây đeo màu đen, túi có hai ngăn có khóa kéo, đã cũ đã qua sử dụng; 01 (một) ba lô vải màu nâu có khóa (séc) kéo, ba lô đã cũ, đã qua sử dụng.

+ Chuyển đến Tòa án để đưa vào lưu trong hồ sơ vụ án: 01 (một) phong bì niêm phong do Bưu điện Việt Nam phát hành, bên trong có 01 (một) mảnh giấy trắng kẻ ô ly có ghi nhân thân gia đình chị Hoàng Thị H, 01 (một) mảnh giấy trắng kẻ ô ly có ghi nhân thân gia đình chị Bàn Thị L, 01 (một) mảnh giấy trắng có dòng kẻ ngang có ghi nhân thân gia đình chị Triệu Thị L, 01 (một) quyển sổ ghi chép có bìa màu đỏ và nhiều họa tiết khác nhau.

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo để được tự cải tạo và ở nhà lao động nuôi 03 con đang trong độ tuổi ăn học.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an H Trạm Tầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân H Trạm Tầu, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 28 tháng 6 năm 2020 tại nhà riêng chị Hoàng Thị H ở tổ dân phố số 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái; Bùi Thị N đã đưa ra thông tin gian dối là trước cửa nhà chị H có vong nên gia đình làm ăn khó khăn, phải làm lễ tiền vong, H tin lời bị cáo N nên đã đưa cho bị cáo 950.000 đồng; ngay sau khi lừa được H, bị cáo N tiếp tục nói với Bàn Thị L là con gái L tối ngủ hay quấy, rồi bảo L cũng phải về chùa làm lễ cho con, ngoài ra L có chồng đào hoa hay đi linh tinh (gái) rồi dụ dỗ L làm lễ cho chồng và nếu L muốn đẻ con trai thì cũng phải làm thêm một lễ nữa, L tin lời bị cáo N nên đã đưa cho bị cáo số tiền 1.290.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được số tiền của L và H trên đường đi xe mô tô về nhà, cùng với thủ đoạn trên N đã chiếm đoạt được của chị Triệu Thị L, tại B, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái 810.000 đồng và 03 bao thuốc lá Thăng Long trị giá 30.000 đồng; chiếm đoạt của chị Lê Thị Quỳnh M, tại thôn Đ, xã A, thành phố Y, tỉnh Yên Bái 260.000 đồng, 03 lon nước Cocacola và 03 bao thuốc lá Thăng Long trị giá 60.000 đồng. Đến ngày 06-7-2020, Bùi Thị N lại tiếp tục lừa đảo, chiếm đoạt 806.000 đồng của chị Trần Thị Mỹ L tại thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái. Tổng số tiền và tài sản bị cáo chiếm đoạt được của 05 bị hại là 4.206.000 đồng, trong đó ngày 28-6-2020 bị cáo liên tục chiếm đoạt của 04 bị hại là 3.400.000 đồng.

Số tiền và tài sản bị cáo N chiếm đoạt được của các bị hại, bị cáo không về chùa làm lễ cho các bị hại như đã nói và bị cáo đã sử dụng, chi tiêu cá nhân; 03 lon nước Cocacola bị cáo đã sử dụng hết, vứt vỏ dọc đường; 06 bao thuốc lá Thăng Long, nắm đất bị cáo đã vứt bỏ trên đường di chuyển về nhà.

Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của từng bị hại đều dưới 2 triệu đồng. Tuy nhiên, trong 28-6-2020 bị cáo liên tục chiếm đoạt của 04 bị hại tiền và tài sản tổng trị giá là 3.400.000 đồng. Hành vi của bị cáo thực hiện liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian, cùng là lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng trị giá tài sản của những lần chiếm đoạt trên 2 triệu đồng, nên đã đủ yếu tố cấu thành cơ bản của hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo N.

Bị cáo Bùi Thị N là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được việc đưa ra thông tin giả, nhằm mục đích để các bị hại tin đó là sự thật và đã trao tiền, tài sản cho bị cáo, để bị cáo chiếm đoạt là vi phạm pháp luật, nhưng do vụ lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản.

Hành vi mà bị cáo N thực hiện đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương.

Từ những căn cứ trên đã có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Bùi Thị N thực hiện đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[3] Nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo N chưa có tiền án tiền sự, nên xác định bị cáo là người có nhân thân tốt tại địa phương.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tự nguyện giao nộp lại số tiền đã chiếm đoạt để khắc phục hậu quả; phạm tội gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa bị hại Hoàng Thị H, Bàn Thị L xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo quy định tại các điểm b, h, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Bị cáo N là người có nhân thân tốt; trong cuộc sống luôn chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tội phạm mà bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng; bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; hiện bị cáo đang nuôi con trong độ tuổi ăn học; bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo trở thành công nhân có ích cho xã hội.

[6] Bị cáo N không có thu nhập ổn định; gia đình không có tài sản có giá trị lớn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Trách nhiệm dân sự:

Số tiền bị cáo lừa đảo được, bị cáo đã nộp cho cơ quan điều tra, các tài sản khác các bị hại không yêu cầu bồi thường. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Nên, về trách nhiệm dân sự không đặt ra để giải quyết.

[8] Vật chứng và tài sản tạm giữ:

- Số tiền 4.116.000 đồng bị cáo N giao nộp cho cơ quan điều tra, trong đó có 3.856.000 đồng là của các bị hại Hoàng Thị H, Bàn Thị L, Trần Mỹ L và Triệu Thị L, cần trả lại số tiền này cho các bị hại có yêu cầu, theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; số tiền còn lại là 260.000 đồng của chị Lê Thị Quỳnh M không có yêu cầu nhận lại, đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có, nên cần

tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen xám, số IMEI: 354957073982012, có ốp lưng bằng nhựa màu trắng, điện thoại đã cũ đã qua sử dụng; 01 (một) túi vải thổ cẩm màu đen, có thêu hoa văn nhiều màu, nhiều họa tiết khác nhau, có dây đeo màu đen, túi có hai ngăn có khóa kéo, đã cũ đã qua sử dụng; 01 (một) ba lô vải màu nâu có khóa (séc) kéo, ba lô đã cũ, đã qua sử dụng. Đây là tài sản của bị cáo, không liên quan đến tội phạm, nên trả lại bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- 02 (hai) vỏ phong bì niêm phong tiền của Bùi Thị N sau khi đã mở niêm phong. Xét không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- 06 (sáu) hộp nhựa trong suốt, bên trong mỗi hộp đều có chứa nhiều gói nilon màu trắng bên trong có chứa nhiều viên thuốc hình tròn màu nâu; 07 (bảy) hộp nhựa trong suốt, bên trong mỗi hộp đều có chứa nhiều gói nilon, bên trong có chứa các viên màu đen. Trong đó có 04 hộp chứa viên thuốc màu đen hình tròn và 03 hộp chứa viên thuốc màu đen hình tròn dài; 04 (bốn) hộp nhựa trong suốt, bên trong mỗi hộp đều có chứa nhiều gói bột màu nâu; 03 (ba) hộp nhựa trong suốt, bên trong mỗi hộp đều có chứa các gói nilon màu trắng bên trong mỗi gói có chứa các viên thuốc màu đen hình tròn, bên ngoài phủ lớp bột màu trắng; 16 (mười sáu) gói nilon màu trắng, bên trong mỗi gói đều có chứa bột màu nâu; giấy giới thiệu số 105/GT-ĐY của Hội đồng y xã An Đô cho Bùi Thị N (bản chính); Giấy chứng nhận đã tốt nghiệp Chương trình lương y cơ sở của Bùi Thị N (bản sao). Đây là tài sản, giấy tờ của bị cáo, không liên quan đến tội phạm, bị cáo đề nghị tiêu hủy. Xét không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với: 01 (một) phong bì niêm phong do Bưu điện Việt Nam phát hành, bên trong có 01 (một) mảnh giấy trắng kẻ ô ly có ghi nhân thân gia đình chị Hoàng Thị H, 01 (một) mảnh giấy trắng kẻ ô ly có ghi nhân thân gia đình chị Bàn Thị L, 01 (một) mảnh giấy trắng có dòng kẻ ngang có ghi nhân thân gia đình chị Triệu Thị L, 01 (một) quyển sổ ghi chép có bìa màu đỏ và nhiều họa tiết khác nhau. Đây là những tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của Bùi Thị N, cần chuyển đến Tòa án để lưu vào hồ sơ vụ án.

[9] Án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Thị N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174, các điểm b, h, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thị N 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 23/12/2020.

Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69, khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

3. Vật chứng và tài sản bị tạm giữ: Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm b, c khoản 2, các điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- + Trả lại chị Hoàng Thị H 950.000 đồng;
- + Trả lại chị Bàn Thị L 1.290.000 đồng;
- + Trả lại chị Trần Thị Mỹ L 806.000 đồng;
- + Trả lại chị Triệu Thị L 810.000 đồng;
- + Nộp ngân sách Nhà nước 260.000 đồng.

(Tổng số tiền trả lại các bị hại và nộp ngân sách được niêm phong trong ba phong bì, theo biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án ngày 25-11-2020).

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 (*hai*) vỏ phong bì niêm phong tiền của Bùi Thị N sau khi đã mở niêm phong; 06 (*sáu*) hộp nhựa trong suốt, bên trong mỗi hộp đều có chứa nhiều gói nilon màu trắng bên trong có chứa nhiều viên thuốc hình tròn màu nâu; 07 (*bảy*) hộp nhựa trong suốt, bên trong mỗi hộp đều có chứa nhiều gói nilon, bên trong có chứa các viên màu đen. Trong đó có 04 hộp chứa viên thuốc màu đen hình tròn và 03 hộp chứa viên thuốc màu đen hình tròn dài; 04 (*bốn*) hộp nhựa trong suốt, bên trong mỗi hộp đều có chứa nhiều gói bột màu nâu; 03 (*ba*) hộp nhựa trong suốt, bên trong mỗi hộp đều có chứa các gói nilon màu trắng bên trong mỗi gói có chứa các viên thuốc màu đen hình tròn, bên ngoài phủ lớp bột màu trắng; 16 (*mười sáu*) gói nilon màu trắng, bên trong mỗi gói đều có chứa bột màu nâu; giấy giới thiệu số 105/GT-ĐY của Hội đồng y xã An Đỗ cho Bùi Thị N (*bản chính*); Giấy chứng nhận đã tốt nghiệp Chương trình lương y cơ sở của Bùi Thị N (*bản sao*).

+ Trả lại bị cáo N: 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen xám, số IMEI: 354957073982012, có ốp lưng bằng nhựa màu trắng, điện thoại đã cũ đã qua sử dụng; 01 (*một*) túi vải thổ cẩm màu đen, có thêu hoa văn nhiều màu, nhiều họa tiết khác nhau, có dây đeo màu đen, túi có hai ngăn có khóa kéo, đã cũ đã qua sử dụng; 01 (*một*) ba lô vải màu nâu có khóa (séc) kéo, ba lô đã cũ, đã qua sử dụng.

+ Chuyển đến Tòa án để đưa vào lưu trong hồ sơ vụ án: 01 (một) phong bì niêm phong do Bưu điện Việt Nam phát hành, bên trong có 01 (một) mảnh giấy trắng kẻ ô ly có ghi nhân thân gia đình chị Hoàng Thị H, 01 (một) mảnh giấy trắng kẻ ô ly có ghi nhân thân gia đình chị Bàn Thị L, 01 (một) mảnh giấy trắng có dòng kẻ ngang có ghi nhân thân gia đình chị Triệu Thị L, 01 (một) quyển sổ ghi chép có bìa màu đỏ và nhiều họa tiết khác nhau.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo N, bị hại (Hoàng Thị H, Bàn Thị L và Trần Thị Mỹ L) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại (Triệu Thị L, Lê Thị Quỳnh M) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- THADS huyện Trạm Tấu;
- Công an huyện Trạm Tấu;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Nam;
- UBND xã A;
- Lưu: Hs, TA, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Xuân